

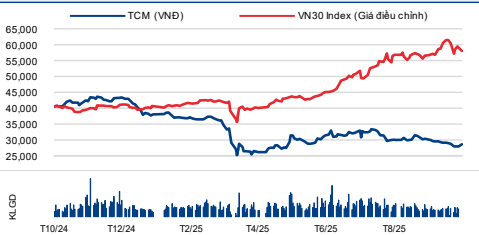
Nắm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ30,000
Tiềm năng tăng/giảm: 4.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (27/10/2025)	28,650
Mã Bloomberg	TCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	25,273-43,648
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	28,183
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	3,210
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	122
Slg CP lưu hành (tr.đv)	112
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.1
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.01
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.1%
Tỷ lệ sở hữu của NN	50.0%
Tỷ lệ freefloat	43.0%
Cổ đông lớn	E-land (47.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	3,810	3,958	4,144
EBITDA đc (tỷ đồng)	434	483	471
LNTT (tỷ đồng)	350	353	335
LNT ĐC (tỷ đồng)	261	265	252
FCF (tỷ đồng)	154	205	113
EPS ĐC (đồng)	2,330	2,369	2,248
DPS (đồng)	910	1,500	1,500
BVPS (đồng)	20,181	21,613	22,296
T.trưởng EBITDA (%)	26.4	11.3	(2.63)
T.trưởng EPS ĐC (%)	97.4	1.94	(5.09)
Tăng trưởng DPS (%)	42.2	64.8	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.4	12.2	11.4
Tỷ suất LNTT (%)	9.20	8.93	8.09
Tỷ suất LNT ĐC (%)	7.24	7.09	6.43
Tỷ lệ LN trả CT (%)	39.2	63.3	66.7
Nợ thuần/VCSH (%)	11.3	1.95	4.31
ROAE (%)	13.0	12.0	10.8
ROACE (%)	13.9	14.2	12.9
EV/doanh thu (lần)	0.76	0.73	0.71
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.67	6.00	6.26
P/E ĐC (lần)	12.3	12.1	12.7
P/B (lần)	1.42	1.33	1.29
Lợi suất cổ tức (%)	3.18	5.24	5.24

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TCM là một trong số ít các doanh nghiệp dệt may Việt Nam có dây chuyền sản xuất hoàn thiện từ sản xuất sợi đến vải và hàng may mặc.

Chuyên viên phân tích

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hp@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA

Trưởng phòng
giang.bnc@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

KQKD Q3/2025: Yếu nhưng sát với dự báo

- KQKD Q3/2025 yếu như dự báo. Doanh thu thuần giảm 18,3% so với cùng kỳ xuống 902 tỷ đồng, và lợi nhuận thuần giảm 21,9% xuống 63 tỷ đồng, so với dự báo của HSC là 68 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần giảm 3,4% so với cùng kỳ xuống 2.786 tỷ đồng nhưng lợi nhuận thuần tăng nhẹ 3,7% nhờ kiểm soát chi phí.
- Mảng vải tiếp tục dẫn dắt với doanh thu mảng này tăng 13% so với cùng kỳ đạt 188 tỷ đồng, phản ánh nhu cầu trong nước cải thiện. Trong khi đó, doanh thu mảng hàng may mặc và mảng sợi lần lượt giảm mạnh 23,9% và 26,2% so với cùng kỳ. Sự suy yếu kéo dài tại các thị trường chủ lực được bù đắp phần nào nhờ KQKD khả quan ở thị trường trong nước và một số thị trường mới nổi như Canada và châu Âu.
- HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

KQKD Q3/2025 yếu nhưng nhìn chung sát với dự báo của HSC. Doanh thu thuần đạt 902 tỷ đồng, giảm 18,3% so với cùng kỳ. Trong khi đó, lợi nhuận thuần giảm mạnh 21,9% xuống 63 tỷ đồng, sát với dự báo của HSC là 68 tỷ đồng. Lưu ý rằng trong Q3/2024, Công ty đã ghi nhận khoản lợi nhuận không thường xuyên 15,1 tỷ đồng từ việc bán nhà máy Trảng Bàng. Nếu không tính đến khoản mục này, lợi nhuận HĐKD cốt lõi Q3/2025 chỉ giảm 8,3% so với cùng kỳ.

Lợi nhuận gộp giảm 21,2% so với cùng kỳ xuống 132 tỷ đồng, tương ứng tỷ suất lợi nhuận gộp 14,7%, giảm từ mức 15,2% trong Q3/2024 và 18,4% trong Q2/2025. Đồng thời, chi phí bán hàng & quản lý giảm 11,6% so với cùng kỳ xuống 66 tỷ đồng nhưng tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý trên doanh thu tăng nhẹ lên 7,3%, từ mức 6,8% của cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần giảm 3,4% so với cùng kỳ xuống 2.786 tỷ đồng nhưng lợi nhuận thuần tăng nhẹ 3,7% đạt 223 tỷ đồng nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện do kiểm soát chi phí trong bối cảnh doanh thu yếu. Kết quả doanh thu thuần và lợi nhuận thuần này đã đạt lần lượt 70,4% và 79,5% dự báo cho cả năm 2025 của HSC.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 29/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025 & 9 tháng đầu năm 2025, TCM

Lợi nhuận thuần giảm 21,9% so với cùng kỳ trong Q3 nhưng tăng 3,7% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2025

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,105	902	-18.3%	2,885	2,786	-3.4%
Lợi nhuận gộp	168	132	-21.2%	478	457	-4.5%
Chi phí BH&QL	(75)	(66)	-11.6%	(238)	(205)	-14.1%
Lợi nhuận thuần	81	63	-21.9%	215	223	3.7%
*Lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi	69	63	-8.3%	203	223	9.8%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15.2%	14.7%		16.6%	16.4%	
Chi phí BH&QL / doanh thu	-6.8%	-7.3%		-8.3%	-7.3%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	7.3%	7.0%		7.5%	8.0%	

Nguồn: TCM, HSC ước tính

Mảng vải tiếp tục là mảng hoạt động hiệu quả nhất

Xét theo cơ cấu sản phẩm, vải tiếp tục là mảng hoạt động tốt nhất với doanh thu tăng 13% so với cùng kỳ đạt 188 tỷ đồng trong Q3/2025. Theo Công ty, sự cải thiện của mảng vải phản ánh nhu cầu cao hơn từ các nhà sản xuất trong nước nhằm tận dụng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang EU và các thị trường thuộc CPTPP, bằng cách đáp ứng yêu cầu về xuất xứ hàng hóa.

Trong khi đó, doanh thu mảng hàng may mặc – sản phẩm cốt lõi của TCM – giảm mạnh 23,9% so với cùng kỳ xuống 641 tỷ đồng, phản ánh tình trạng suy yếu kéo dài tại các thị trường chủ lực. Theo Công ty, doanh thu hàng may mặc sụt giảm chủ yếu do hiệu suất hoạt động kém khi đơn hàng giảm và tồn kho cao sau giai đoạn các nhà nhập khẩu tích trữ hàng trước thời hạn áp thuế của Mỹ.

Mảng sợi vẫn chịu áp lực lớn nhất, với doanh thu giảm 26,2% so với cùng kỳ xuống 60 tỷ đồng, cho thấy điều kiện kinh doanh ở khâu đầu nguồn vẫn còn yếu và còn nhiều khó khăn.

Yếu tại các thị trường chủ lực nhưng khả quan ở thị trường trong nước và một số thị trường khác

Trong Q3/2025, hoạt động xuất khẩu của TCM tiếp tục yếu tại các thị trường lớn. Doanh thu sang Mỹ giảm mạnh 43,9% so với cùng kỳ trong khi thị trường Hàn Quốc giảm 24,6% so với cùng kỳ do so với mức nền cao. Xuất khẩu sang Nhật Bản tương đối ổn định, doanh thu đi ngang so với cùng kỳ.

Ngược lại, thị trường trong nước và một số thị trường mới nổi ghi nhận kết quả tích cực hơn, phần nào bù đắp sự suy yếu chung. Doanh thu trong nước tăng 14,8% so với cùng kỳ nhờ nhu cầu vải cải thiện. Các thị trường nhỏ hơn như Canada và châu Âu cũng ghi nhận mức tăng lần lượt 20,7% và 50,7% so với cùng kỳ. Như đã đề cập trong các báo cáo trước đây, kết quả này phản ánh nỗ lực của TCM trong việc tiếp tục đa dạng hóa tập khách hàng trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu ngành dệt may suy yếu.

Duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 13% trong 3 tháng qua, TCM đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 12,6 lần (dựa trên dự báo của HSC), thấp hơn 1,1 độ lệch chuẩn (tương ứng 43%) so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 22,1 lần. HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giá mục tiêu.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm, TCM

Doanh thu mảng vải tăng nhưng doanh thu hàng may mặc và mảng sợi sụt giảm

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ
May mặc	842	641	-23.9%	2,177	2,054	-5.6%
Vải	167	188	13.0%	413	512	24.0%
Sợi	81	60	-26.2%	224	184	-17.8%
Khác	14	13	-7.8%	71	36	-49.8%
Tổng	1,105	902	-18.3%	2,885	2,786	-3.4%

Nguồn: TCM, HSC ước tính

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu theo thị trường, TCM

Doanh thu tại các thị trường nhỏ hơn duy trì ghi nhận kết quả tích cực, từ đó giúp bù đắp cho sự suy yếu ở các thị trường chủ lực

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ
Mỹ	238	134	-43.9%	572	459	-19.8%
Hàn Quốc	341	258	-24.6%	847	764	-9.9%
Nhật Bản	152	153	1.1%	533	511	-4.0%
Việt Nam	101	116	14.8%	220	300	36.8%
Thị trường khác	273	242	-11.1%	714	752	5.3%
Tổng	1,105	902	-18.3%	2,885	2,786	-3.4%

Nguồn: TCM, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	3,325	3,810	3,958	4,144	4,325
Lợi nhuận gộp	499	617	631	640	671
Chi phí BH&QL	(284)	(304)	(283)	(307)	(329)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	215	313	348	333	342
Lãi vay thuần	(31.3)	26.8	1.10	(1.51)	0.66
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0.99	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	4.27	11.0	3.77	3.77	3.77
LNTT	189	350	353	335	346
Chi phí thuế TNDN	(55.0)	(72.4)	(70.7)	(67.1)	(69.3)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1.90)	(2.00)	(2.04)	(1.93)	(2.00)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	132	276	281	266	275
Lợi nhuận thuần ĐC	149	261	265	252	260
EBITDA ĐC	344	434	483	471	482
EPS (đồng)	1,177	2,324	2,369	2,248	2,323
EPS ĐC (đồng)	1,329	2,330	2,369	2,248	2,323
DPS (đồng)	640	910	1,500	1,500	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	112	112	112	112	112
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	112	112	112	112	112
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	112	112	112	112	112

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	435	563	745	657	595
Đầu tư ngắn hạn	313	533	317	332	346
Phải thu khách hàng	329	556	620	670	700
Hàng tồn kho	1,028	1,003	1,197	1,357	1,542
Các tài sản ngắn hạn khác	26.1	35.2	36.6	38.3	40.0
Tổng tài sản ngắn hạn	2,131	2,690	2,916	3,054	3,223
TSCĐ hữu hình	756	845	761	675	588
TSCĐ vô hình	180	179	174	173	172
Bất động sản đầu tư	2.38	2.31	2.17	2.03	1.89
Đầu tư dài hạn	37.4	62.4	65.0	68.2	71.3
Đầu tư vào Cty LD,LK	8.34	8.34	8.34	8.34	8.34
Tài sản dài hạn khác	164	108	113	118	124
Tổng tài sản dài hạn	1,149	1,205	1,123	1,045	966
Tổng cộng tài sản	3,279	3,896	4,039	4,099	4,188
Nợ ngắn hạn	632	712	682	652	622
Phải trả người bán	265	479	475	468	471
Nợ ngắn hạn khác	211	261	271	283	296
Tổng nợ ngắn hạn	1,173	1,518	1,497	1,477	1,465
Nợ dài hạn	48.0	59.6	59.6	59.6	59.6
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2.50	2.50	2.60	2.72	2.84
Nợ dài hạn khác	18.0	16.7	17.4	18.2	19.0
Tổng nợ dài hạn	68.5	78.8	79.6	80.5	81.4
Tổng nợ phải trả	1,269	1,624	1,605	1,586	1,577
Vốn chủ sở hữu	2,000	2,261	2,421	2,498	2,594
Lợi ích cổ đông thiểu số	10.1	10.6	12.7	14.6	16.6
Tổng vốn chủ sở hữu	2,010	2,272	2,434	2,513	2,611
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,279	3,896	4,039	4,099	4,188
BVPS (đ)	17,851	20,181	21,613	22,296	23,157
Nợ thuần*/(tiền mặt)	246	208	(3.42)	54.7	85.9

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	215	313	348	333	342
Khấu hao	(129)	(122)	(135)	(138)	(140)
Lãi vay thuần	(31.3)	26.8	1.10	(1.51)	0.66
Thuế TNDN đã nộp	(53.4)	(69.9)	(70.7)	(67.1)	(69.3)
Thay đổi vốn lưu động	136	(1.39)	(162)	(239)	(223)
Khác	(50.1)	3.70	(19.3)	(21.0)	(17.9)
LCT thuần từ HKKD	414	392	256	167	195
Đầu tư TS dài hạn	(42.0)	(237)	(50.9)	(54.0)	(55.0)
Góp vốn & đầu tư	(193)	(196)	0	0	0
Thanh lý	57.9	81.6	(2.56)	(2.56)	(2.56)
Khác	115	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(62.4)	(352)	(53.5)	(56.5)	(57.6)
Cổ tức trả cho CSH	(57.9)	(0.74)	(92.8)	(168)	(168)
Thu từ phát hành CP	0	0	102	0	0
Tăng/giảm nợ	(194)	92.0	(30.0)	(30.0)	(30.0)
Khác	(87.1)	(3.09)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(339)	88.2	(20.9)	(198)	(198)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	422	435	563	745	657
LCT thuần trong kỳ	12.8	128	181	(88.2)	(61.1)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	0.56	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	435	563	745	657	595
Dòng tiền tự do	372	154	205	113	140

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.0	16.2	16.0	15.4	15.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	10.3	11.4	12.2	11.4	11.2
Tỷ suất LNT (%)	3.97	7.24	7.09	6.43	6.36
Thuế TNDN hiện hành (%)	29.1	20.6	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(23.3)	14.6	3.87	4.70	4.36
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(29.7)	26.4	11.3	(2.63)	2.48
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(37.3)	75.3	1.66	(5.09)	3.32
Tăng trưởng EPS (%)	(44.4)	97.4	1.94	(5.09)	3.32
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(37.3)	75.3	1.66	(5.09)	3.32
Tăng trưởng DPS (%)	42.2	42.2	64.8	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	54.4	39.2	63.3	66.7	64.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.65	13.0	12.0	10.8	10.8
ROACE (%)	10.1	13.9	14.2	12.9	12.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.98	1.06	1.00	1.02	1.04
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.93	1.25	0.73	0.50	0.57
Số ngày tồn kho	133	115	131	141	154
Số ngày phải thu	42.5	63.5	68.1	69.8	69.9
Số ngày phải trả	34.3	54.7	52.1	48.8	47.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	14.6	11.3	1.95	4.31	5.44
Nợ/tài sản (%)	22.2	21.0	19.6	18.6	17.6
EBIT/lãi vay (lần)	6.87	N/a	N/a	220	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.12	1.89	1.64	1.62	1.53
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.82	1.77	1.95	2.07	2.20
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.95	0.76	0.73	0.71	0.69
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.18	6.67	6.00	6.26	6.15
P/E (lần)	24.3	12.3	12.1	12.7	12.3
P/E ĐC (lần)	21.6	12.3	12.1	12.7	12.3
P/B (lần)	1.60	1.42	1.33	1.29	1.24
Lợi suất cổ tức (%)	2.23	3.18	5.24	5.24	5.24

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn